TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2019/DS-ST
Ngày : 16 – 8 – 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản, hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiển

2. Bà Phan Thị Phượng;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự, vay tài sản, hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 20/TB-TA ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà LTQ, sinh năm 1965, địa chỉ cư trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông VHH, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 6 năm 2019. (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà NTT, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

2.2. Ông ĐTN, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông VHH, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 3năm 2018, nguyên đơn bà LTQ trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Quen có cho bà NTT và ông ĐTN mượn số tiền 340.000.000đ, bà Thúy hứa ngày 12/02/2018 trả 100.000.000đ, phần còn lại đến ngày 11/3/2018 trả thêm 120.000.000đ, ngày 11/4/2018 trả thêm 120.000.000đ nhưng bà Thúy không thực hiện đúng như lời hứa. Đồng thời bà Quen có mở dây hụi 5.000.000đ gồm 20 phần, trong đó bà Thúy tham gia 02 phần hụi và đã hốt hết hai phần hụi, cụ thể lần một bà Thúy hốt hụi ngày 06/9/2017 được 73.000.000đ, lần hai bà Thúy hốt hụi ngày 06/11/2017 được 69.200.000đ nhưng đóng hụi chết lại được một lần, hiện bà Thúy còn nợ tiền hụi chưa đóng là 160.000.000đ. Nay bà Quen yêu cầu bà Thúy và ông Nghề cùng có trách nhiệm trả tiền vay và tiền hụi tổng cộng là 500.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Các bị đơn bà Thúy, ông Nghề:* Không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà LTQ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án.

- Bị đơn bà Thúy, ông Nghề: Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông VHH: Thống nhất với ý kiến bà Quen.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các bị đơn Thúy, Nghề được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử, vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Nguyên đơn bà Quen yêu cầu khởi kiện buộc bà Thúy và ông Nghề trả nợ tiền vay và nợ tiền hụi tổng cộng là 500.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai tại Công an xã Bình Thủy, bà Thúy thừa nhận nợ tiền vay 340.000.0000dđ và nợ tiền hụi 160.000.000đ của bà Quen nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà Thúy vay tiền và tham gia hụi của bà Quen để phục vụ gia đình nên có cở sở buộc trách nhiệm ông ĐTN cùng bà NTT trả nợ vay và nợ hụi cho bà Quen.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông VHH: Xác định tiền cho vay và tiền hụi là tiền chung của vợ chồng bà Quen, ông Hảo nên Tòa án đưa ông Hảo vào tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Nhưng tại phiên tòa, ông Hảo đồng ý các bị đơn trả tiền nợ vay cho bà Quen theo đơn khởi kiện do vậy đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Các bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Ấp BQ, xã BT, huyện CP. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

[1.2] Về vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn NTT, ĐTN đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Phú tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về xác định pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Các bên đương sự xác lập hợp đồng vay tài sản, hụi vào năm 2017 và năm 2018 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 giải quyết vụ án.

[1.4] Về phạm vi khởi kiện: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Quen xác định chỉ yêu cầu buộc ông Nghề và bà Thúy trả lại nợ vay là 340.000.000đ, nợ hụi là 160.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu xem xét đối với việc thế chấp tài sản. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của bà Quen.

[1.5] Về việc ủy quyền: Ngày 13 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn bà Quen ủy quyền cho ông VHH tham gia tố tụng. Việc ủy quyền thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhập.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với nợ tiền vay 340.000.000đ và nợ tiền hụi 160.000.000:

Giữa bà Quen và bà Thúy có xác lập hợp đồng vay theo biên nhận nhận nợ ngày 11/02/2018, 13/02/2018, có thỏa thuận thời hạn trả nợ vay trên cơ sở tự nguyện, có thỏa thuận lãi suất, được lập bằng văn bản là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên bà Thúy và ông Nghề vi phạm thỏa thuận. Tại biên nhận nhận nợ và tờ thế chấp tự nguyện có chữ ký, chữ viết của ông Nghề, bà Thúy thừa nhận còn nợ bà Quen tiền vay 340.000.000đ. Đối nợ tiền hụi, nguyên đơn cung cấp chứng cứ bà Thúy có hốt hụi và có ký nhận tiền hốt hụi nhưng bà Thúy không đóng hụi cho bà Quen là vi phạm quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời bà Thúy thừa nhận các khoản nợ vay và nợ hụi với tổng số tiền là 500.000.000đ tại biên bản làm việc của công an xã Bình Thủy nên yêu cầu của bà Quen là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông Nghề cùng với bà Thúy có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn vay, tiền hụi. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nghề có ký tên vào tờ thế chấp tự

nguyện cùng với bà Thúy thừa nhận nợ bà Quen số tiền vay 340.000.000đ và nợ tiền hụi là 160.000.000đ nên làm phát sinh trách nhiệm liên đới của ông Nghề. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định khoản 1 Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Quen cho rằng đã giữ của bà Thúy nhưng đã trả lại cho bà Thúy. Đối với việc thế chấp tự nguyện nhà và đất là ghi giấy để làm tin. Quá trình giải quyết, bà Quen không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

[3.1] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 288 Điều 463, Điều 470, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà LTQ:

- Buộc các bị đơn NTT và ĐTN có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà LTQ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông VHH tổng số tiền là 500.000.000đ (trong đó gồm nợ tiền vay 340.000.000đ, nợ tiền hụi 160.000.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn NTT, ĐTN cùng phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà LTQ được nhận lại 12.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: TU/2015/0017430 ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh